

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **274/2018/HS-ST**
Ngày: 29-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp.
2. Ông Võ Hùng Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 255/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Nhựt T**, sinh năm 1980; tại: An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha Trần Văn H (đã chết); mẹ Phạm Thị T; bị cáo có vợ Mai Thị Bích D và 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/9/2014 bị Tòa án nhân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 339/2014/HSST; bị bắt ngày 18/6/2018 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- ***Bị hại:*** Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Ông Lê Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ô A DC E, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt)

- ***Người làm chứng:*** Bà Ngô Thị Bích P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nhật T là tài xế chở thuê và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương có quan hệ tình cảm nam, nữ từ năm 2012 đến năm 2016 thì chấm dứt mối quan hệ. Khoảng 12 giờ ngày 11/6/2018, T đi giao hàng ở cửa hàng gần nhà bà Đ nên có ý định đến nhà bà Đ rủ bà Đ đi uống cà phê. Sau khi giao hàng xong, T giao xe ô tô tải cho người đi cùng điều khiển chạy đi còn T đi bộ lại nhà bà Đ tại: khu phố E, phường H, thành phố T và rủ bà Đ đi uống cà phê thì bà Đ đồng ý. Sau đó, bà Đ đưa chìa khóa xe và xe mô tô biển số 61B1-711.26 cho T điều khiển để chở bà Đ đến quán cà phê (không tên) thuộc khu C, phường T, thành phố T. Tại đây, T để chìa khóa xe mô tô biển số 61B1-711.26 lên bàn rồi ngồi nói chuyện với bà Đ. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày 11/6/2018 do T nhận được tin nhắn đòi nợ từ người nam tên C (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) và thấy bà Đ đang ngủ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 61B1-711.26 đem đi cầm lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định trên, T lấy xe mô tô biển số 61B1-711.26 và điều khiển chạy đến tiệm cầm đồ N. Địa chỉ: Ô A DC E, khu phố B, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương để cầm xe mô tô. Tại đây, T đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị Đ được để sẵn trong cốp xe cho ông Lê Văn T, sinh năm 1994 (ông T là quản lý tiệm cầm đồ) và T nói với ông T xe mô tô biển số 61B1-711.26 là xe của người quen do ngại đi cầm nên nhờ T cầm dùm thì ông T đồng ý cầm xe mô tô trên và đưa cho T số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). T đã sử dụng số tiền trên trả nợ hết số tiền trên cho người nam tên C.

Khoảng 16 giờ cùng ngày 11/6/2018, bà Đ tỉnh dậy không thấy T và xe mô tô biển số 61B1-711.26 nên bà Đ nghi T trộm cắp xe mô tô nên ngày 12/6/2018, chị Đ đến Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để trình báo việc bị Tuấn trộm cắp xe mô tô. Bà Đ điện thoại cho T thì T nói với bà Đ là do T thiếu nợ nên đã lấy xe mô tô của bà Đ để đi cầm lấy tiền trả nợ. Lúc này, bà Đ hỏi T tiền để chuộc lại xe mô tô và tiền T thiếu nợ còn bao nhiêu thì T yêu cầu bà Đ đưa cho T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) T mới chỉ chỗ để lấy xe thì bà Đ đồng ý và hẹn T đến quán cà phê G. Địa chỉ: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để đưa tiền đồng thời bà Đ trình báo sự việc với Công an phường T.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 18/6/2018, T đến quán cà phê G thì bà Đ cùng Công an phường T, thành phố T đến yêu cầu T về Công an phường T làm việc. Tại đây, T thừa nhận hành vi trộm xe của bà Đ và đem cầm tại tiệm cầm đồ N. Qua lời khai của T Công an phường T đến tiệm cầm đồ N làm việc với ông L thu giữ: 01 xe mô tô biển số 61B1-711.26; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 chứng minh nhân dân; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm mang tên Đặng Thị Đ. Ngày 19/6/2018, Công an phường T, thành phố T chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 26/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Noza biển số 61B1-711.26, trị giá 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

Ngày 26/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe mô tô hiệu Yamaha Noza biển số 61B1-711.26 (số máy 1DR155100, số khung

DR10GY155091) cho bà Đặng Thị Đ. Hiện tại, bà Đ không có yêu cầu gì đối với Trần Nhựt T.

Quá trình điều tra xác định: Khi T cầm xe mô tô Yamaha Noza biển số 61B1-711.26 cho ông Lê Văn T (chủ tiệm cầm đồ N) ông T đã nhận cầm xe mô tô không đúng chủ sở hữu, ông T không biết chiếc xe trên do T trộm cắp của bà Đ. Ngày 20/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Công văn đề nghị Công an thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử lý hành chính đối với tiệm cầm đồ N. Đồng thời ông T có yêu cầu Trần Nhựt T phải trả lại số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 300/CTVKSND - TP.TDM ngày 09/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Nhựt T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nhựt T mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Nhựt T phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 12.000.000đồng.

Về biện pháp tư pháp: Không có nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo Trần Nhựt T không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/6/2018 Trần Nhựt T đã có hành vi lên lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Noza biển số 61B1 – 711.26 trị giá 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) của bà Đặng Thị Đ tại quán cà phê (không tên) thuộc khu C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu đã từng bị xét xử, kết án, nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này cần phải xử bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận..

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trần Nhật T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Nhật T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/6/2018.

2./ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Nhật T phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3./ Về án phí: Buộc bị cáo Trần Nhật T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm